

Bản án số: 54/2025/HS-ST
Ngày 06-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nguyên Lâm

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 41/2025/HSST-QĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lương Ngọc T, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1994 tại Hải Phòng; nơi ĐKTT: Số C đường M, khu G, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi sinh sống: thôn B, xã Đ, huyện A (nay là Tổ dân phố B, phường Đ, quận A), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn C và bà Trần Thị H; có vợ là Nguyễn Thị L và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 27/5/2024, tạm giam ngày 04/6/2024; có mặt.

2. Lương Ngọc T1, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1991 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn C và bà Trần Thị H; có vợ là Dương Thị D và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2024; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Ngọc T: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Minh L1 - Luật sư của Công ty L3; địa chỉ: Tầng F, P, tòa nhà V, Lô E, đường P, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; bà Kim A có mặt, ông L1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/5/2024, Công an huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng kết hợp lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra ngôi nhà tại địa chỉ xóm C, thôn V, xã A, huyện A (nay là phường A, quận A), thành phố Hải Phòng do Lương Ngọc T và vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, trú tại: số C M, khu G, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh thuê; phát hiện có 10 đối tượng quốc tịch Trung Quốc là Xu Zhi F, sinh năm 1997, trú tại: Huyện A, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Chen Zhi A1, sinh năm 1992; Zhang N, sinh năm 1984; Zhan Y, sinh năm 1994; Lin X, sinh năm 1994; Zhan Hai B, sinh năm 1994; Yan S, sinh năm 1990; Xu W, sinh năm 1995 cùng trú tại: thành phố T, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Xu Wei B1, sinh năm 1996, trú tại: thành phố S, tỉnh Quang Đông, Trung Quốc và Gong Ting H1, sinh năm 1989, trú tại: Thị trấn M, huyện Q, thành phố N, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc đang lưu trú có dấu hiệu nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép, Cơ quan Công an đã thu giữ nhiều máy vi tính, điện thoại di động của các đối tượng, 01 xe ô tô nhãn hiệu Peugeot BKS 14A-753.56.

Ngày 23/5/2024, Công an quận H phối hợp Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an thành phố H tiến hành kiểm tra ngôi nhà tại địa chỉ số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng phát hiện 04 đối tượng quốc tịch Trung Quốc đang lưu trú có dấu hiệu nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép là Chen Jin H2, sinh năm 1975; Lin Z, sinh năm 2003; Lin Q, sinh năm 1994; L4, sinh năm 1994, cùng trú tại: huyện A, thành phố T, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc.

Tiến hành xác minh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H, kết quả chỉ có đối tượng Gong Ting Hua có đầy đủ thông tin hộ chiếu, thị thực nhập cảnh vào Việt Nam hợp pháp còn 13 đối tượng còn lại gồm Xu Z, Chen Zhi A1, Zhang N, Zhan Y, Lin X, Zhan Hai B, Yan S, Xu Wei M, Xu Wei B1, Chen Jin H2, Lin Z, Lin Q, Lin M đều không có thị thực và thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

Quá trình điều tra đã làm rõ được:

Khoảng năm 2022, Lương Ngọc T đến sông bạc Hồng V ở thành phố M, tỉnh Quảng Ninh chơi và quen biết một người Trung Quốc tên là H6 có thể nói tiếng Việt Nam (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch). T và H6 đã trao đổi thông tin liên lạc và H6 hẹn T khi nào sang Việt Nam sẽ liên lạc với T để giao lưu. Khoảng tháng 8/2023, H6 hẹn gặp T ở cổng sông bạc Hồng V và đặt vấn đề muốn thuê T thuê nhà, nấu cơm, dọn dẹp nhà cho người Trung Quốc ở tại Việt Nam. T đồng ý. Khoảng đầu tháng 9/2023, H6 hẹn gặp T tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và đi cùng một người Trung Quốc tên là Xu Zhi F. Tại đây, H6 nói cho Thế là Xu Zhi F muốn T tìm thuê nhà, nấu ăn cho Xu Zhi F và khoảng 8, 9 người Trung Quốc khác về Hải Phòng ở để làm công việc mạng xã hội TikTok, đồng thời H6 cũng cho T biết trong nhóm người trên chỉ có từ 1-2 người có hộ chiếu, thị thực nhập cảnh vào Việt Nam còn lại đều không có giấy tờ nhập cảnh hợp pháp. H6 yêu cầu nhà thuê phải nhiều phòng ở, giá thuê khoảng 15.000.000 đồng - 20.000.000 đồng/tháng, tiền ăn của mỗi người

là 100.000 đồng/ngày, tiền công nấu cơm, phục vụ là 10 triệu đồng/tháng/nhà, ngoài ra còn có các khoản tiền phát sinh như mua đồ dùng sinh hoạt, đồ ăn, bia, rượu, thuốc lá, tiền thuê xe đi lại... cho những người Trung Quốc. Chi phí H6 sẽ thanh toán cho T, T đồng ý. Khoảng 10 ngày sau, T hẹn gặp H6 tại địa điểm cũ, H6 đưa cho T số tiền 80.000.000 đồng để tìm thuê nhà và ứng trước một phần tiền ăn uống cho những người Trung Quốc. Sau đó đã nhiều lần T nhận tiền thuê nhà, phục vụ những người Trung Quốc từ H6 và thông qua những người đổi tiền ở chợ M4, tỉnh Quảng Ninh. H6 và T thống nhất những người Trung Quốc khi sang tới Việt Nam sẽ đi bằng phương tiện taxi, khi nào lái xe taxi điện thoại liên lạc với Thế thì T sẽ ra địa điểm hẹn để đón những người Trung Quốc về nơi ở. Sau đó từ khoảng tháng 9/2023 đến ngày 22/5/2024, Lương Ngọc T đã nhiều lần nhờ Lương Ngọc T1 (anh ruột T) tìm thuê nhà cho những người Trung Quốc đến ở, thuê T1 và một số người khác mua đồ ăn, phục vụ người Trung Quốc, cụ thể:

- Khoảng tháng 09/2023, Lương Ngọc T nhờ Lương Ngọc T1 tìm thuê căn nhà G khu H phường H, quận H, thành phố Hải Phòng, giá thuê là 16.000.000 đồng/01 tháng. Hợp đồng thuê nhà trong thời hạn 01 năm, trả tiền 04 tháng/lần. T nhờ T1 đứng tên ký hợp đồng thuê nhà và thuê T1 nấu cơm, dọn nhà, phục vụ cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, trả công 10.000.000 đồng/01 tháng. Tại căn nhà trên, ban đầu có 05 người Trung Quốc đến ở gồm: Xu Z, Xu Wei M, Gong Ting H và 02 người khác trong đó chỉ có Gong Ting H1 có hộ chiếu, thị thực nhập cảnh vào Việt Nam hợp pháp. Đến khoảng cuối tháng 01/2024 thì cả 05 người Trung Quốc trên được T chuyển về căn nhà số F khu H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng.

- Cuối tháng 10/2023, Lương Ngọc T nhờ Lương Ngọc T1 tìm thuê căn nhà số F khu H, phường H, quận H, Hải Phòng, giá thuê 10.000.000 đồng/01 tháng. T nhờ T1 đứng tên ký hợp đồng thuê nhà và thuê T1 nấu cơm, dọn nhà, phục vụ cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, trả công 10.000.000 đồng/01 tháng. Tại căn nhà này ban đầu có 05 người Trung Quốc đến ở (hiện không rõ nhân thân lai lịch), đến khoảng cuối tháng 01/2024 có thêm 05 người ở nhà G khu H chuyển đến (như đã nêu ở trên), tổng cộng có 10 người. Đến khoảng giữa tháng 02/2024 thì Gong T2 Hua về Trung Quốc, 04 người từ nhà G khu H chuyển đến nêu trên được T chuyển đến căn nhà 4 Hùng H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng còn 05 người ở từ ban đầu nhà 682 khu H được T chuyển đến ở nhà A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

- Thông qua môi giới cho thuê nhà, khoảng giữa tháng 02/2024, Lương Ngọc T tìm thuê căn nhà 4 H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, giá thuê 11.000.000 đồng/01 tháng, người đứng tên ký hợp đồng thuê nhà là Nguyễn Thị L. Thế thuê Nguyễn Văn T3, sinh năm 1995, trú tại: Xã Q, thành phố M, Quảng Ninh nấu cơm, dọn nhà, tiền công 5.000.000 đồng/tháng. Ban đầu, tại căn nhà trên có 04 người Trung Quốc được chuyển đến từ nhà F khu H gồm Xu Z, Xu Wei M và hai người khác. Sau đó Gong Ting H1 nhập cảnh vào lại Việt Nam, T đã đưa Gong T2 Hua đến ở căn nhà này vào đầu tháng 3/2024. Đến khoảng đầu tháng 5/2024, T chuyển 05 người Trung Quốc tại căn nhà này về căn nhà tại xóm C, thôn V, xã A,

huyện A (nay là phường A, quận A), thành phố Hải Phòng. Sau đó, tiếp tục có 04 người Trung Quốc khác (hiện không rõ nhân thân lai lịch) đến ở căn nhà này tuy nhiên chỉ ở lại khoảng vài ngày rồi rời đi.

- Thông qua môi giới cho thuê nhà, khoảng tháng 3/2024, Lương Ngọc T tìm thuê căn nhà tại xóm C, thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, giá thuê 10.000.000 đồng/01 tháng, người đứng tên ký hợp đồng thuê nhà là Nguyễn Thị L. Thẻ thuê Lý Thị L2, sinh năm 1978, trú tại xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và Nguyễn Văn T3 nấu cơm, dọn nhà cho những người Trung Quốc. Tại căn nhà trên, khoảng đầu tháng 5/2024, có 05 người Trung Quốc được chuyển đến từ nhà D H đã nêu trên và thêm 05 người Trung Quốc khác mới đến, tổng cộng là 10 người Trung Quốc đã bị Công an huyện A, thành phố Hải Phòng phát hiện ngày 22/5/2024 gồm Xu Z, Chen Zhi A1, Zhang N, Zhan Y, Lin X, Zhan Hai B, Yan S, Xu Wei M, Xu Wei B1 và Gong Ting H1 (tài liệu điều tra chỉ xác định được cụ thể Xu Zhi F, Xu Wei M, Gong Ting H là 03 người Trung Quốc được chuyển từ nhà 4 Hùng Duệ V sang nhà xóm C, thôn V; đối với 07 người còn lại không xác định được cụ thể người nào được chuyển từ nhà 4 H V1 sang và người nào đến nhà xóm C, thôn V ở từ ban đầu).

- Khoảng giữa tháng 02/2024, Lương Ngọc T nhờ Lương Ngọc T1 tìm thuê nhà mặt đường B xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng trong thời hạn 03 tháng, giá thuê 8.000.000 đồng/01 tháng; T1 nhờ Dương Thị T4, sinh năm 1984, địa chỉ: số D M, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng (chị vợ của T1) đứng tên ký hợp đồng thuê nhà. Thẻ thuê Nguyễn Văn T3 nấu cơm, dọn nhà, tiền công 2.000.000 đồng/tháng. Ban đầu tại căn nhà này có 04 người Trung Quốc (hiện không rõ nhân thân lai lịch) đến ở, sau đó những người này đã rời đi.

- Khoảng giữa tháng 02/2024, Lương Ngọc T nhờ Lương Ngọc T1 tìm thuê căn nhà số B chung cư H, xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng, giá thuê 14.000.000 đồng/01 tháng và nhờ T1 đứng tên ký hợp đồng thuê nhà. Thẻ thuê Nguyễn Văn T3 nấu cơm, dọn nhà, tiền công 5.000.000 đồng/tháng. Tại căn nhà trên, từ khoảng ngày 10/3/2024, có nhiều người Trung Quốc (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) đến ở. Đến chiều ngày 22/5/2024, Lương Ngọc T1 được Nguyễn Thị L liên lạc nhờ T1 thuê xe ô tô chuyển người Trung Quốc ở căn nhà này chuyển đi nơi khác.

- Thông qua môi giới cho thuê nhà, khoảng giữa tháng 5/2024, T thuê nhà số A, chung cư H, xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng, hợp đồng thuê nhà trong thời hạn 01 năm nhưng trả tiền 03 tháng/lần, giá thuê 13.000.000 đồng/01 tháng; người đứng tên ký hợp đồng thuê nhà là Nguyễn Văn M1, sinh năm 2003, trú tại thôn D, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (em họ của Nguyễn Thị L). Ban đầu, tại căn nhà trên có nhiều người Trung Quốc bao gồm 04 người nhập cảnh trái phép là Lin Z, Lin Qin X, Chen Jin H2, Lin M. T có mua đồ ăn cho những người này một vài ngày, sau đó những người này đã được Nguyễn Thị L, Lương Ngọc T1 chuyển đi nơi khác vào chiều ngày 22/5/2024.

- Khoảng giữa tháng 02/2024, T nhờ Lương Ngọc T1 tìm thuê nhà số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng trong thời hạn 03 tháng; người đứng tên ký hợp đồng thuê nhà là Trần Văn H3 (em họ của Nguyễn Thị L). T thuê T1 nấu cơm, dọn nhà, tiền công 10.000.0000 đồng/tháng. Sau khi thuê được nhà, T chuyển 05 người Trung Quốc từ nhà 682 khu H đến (như đã nêu trên). Số người này đã được Nguyễn Thị L và Nguyễn Hoài T5, sinh năm 1994, trú tại xã Đ (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng (cháu họ của T) chuyển đi nơi khác vào đêm ngày 22/5/2024.

Đối với những người Trung Quốc ở nhà 13LK4 và 23LK4 khu chung cư H đã được chuyển đi vào ngày 22/5/2024 nêu trên, tài liệu điều tra xác định: Chiều ngày 22/5/2024, Nguyễn Thị L gọi điện cho Lương Ngọc T1 bảo T1 thuê 02 xe ô tô chuyển những người Trung Quốc ở 02 nhà trên đi nơi khác, một xe về nhà mẹ đẻ T1 là bà Trần Thị H, sinh năm 1959, trú tại thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và một xe về nhà 191A Lũng Đông. T1 đã liên lạc và thuê 02 xe ô tô 07 chỗ gồm xe ô tô BKS 15K-069.72 do anh Vũ Văn M2, sinh năm 1984, trú tại: Số I lô E Đ, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng điều khiển đến đón 06 người Trung Quốc ở nhà số B và xe ô tô BKS 15K-256.04 của anh Đinh Công C1, sinh năm 1976, trú tại: Số B đường H, phường H, thành phố Hải Phòng, thành phố Hải Phòng điều khiển đến đón 07 người Trung Quốc ở nhà số A. Do xe chở 07 người Trung Quốc ở nhà số A (xe do anh C1 điều khiển) xảy ra va chạm trong khu chung cư Hoàng H4 nên T1 gọi điện cho Nguyễn Hoài T5 bảo T5 đến đón những người Trung Quốc trên xe này. Tại đây, T1 gọi thêm 01 xe taxi, đón 01 người Trung Quốc từ xe do anh M2 điều khiển sang và đón thêm 03 người Trung Quốc từ xe bị tai nạn nêu trên, T5 điều khiển xe ô tô BKS 15A-921.25 đến đón 04 người Trung Quốc còn lại; sau đó T1 và T5 đi 02 xe chở 08 người Trung Quốc đến nhà số A L, cộng thêm 05 người Trung Quốc ở từ trước tổng cộng có 13 người Trung Quốc tại căn nhà này. Trong số 13 người này, khoảng tối cùng ngày, 09 người Trung Quốc đã được Nguyễn Hoài T5 đón về nhà của T5 và rời đi đâu không rõ còn 04 người Trung Quốc là Lin Zhi H5, Lin Qin X, Chen Jin H2, Lin M đã bị Cơ quan Công an quận H phát hiện vào ngày 23/5/2024 như đã nêu trên. Đối với xe của anh M2 chở 05 người Trung Quốc còn lại đến nhà bà Trần Thị H, bà H đã chỉ đường cho anh M2 chở 05 người này đến nhà ông Lương Văn H6, sinh năm 1959, trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (em chồng bà H), 05 người Trung Quốc này được ông H6 cho vào ở trong nhà đến khoảng đêm cùng ngày đã tự rời đi đâu không rõ.

Tổng cộng, Lương Ngọc T đã nhận từ đối tượng tên H6 khoảng 1.460.000.000 đồng tiền mặt. Các chi phí phục vụ những người Trung Quốc gồm: Tiền ăn T đã chi trả cho những người Trung Quốc là 722.400.000 đồng; tiền thuê nhà là 422.730.000 đồng; tiền mua đồ dùng sinh hoạt, bia rượu, thuốc lá là 56.000.000 đồng; tiền công của Lý Thị L2 là 8.000.000 đồng; tiền công của Nguyễn Văn T3 là 24.000.000 đồng; tiền công của Lương Ngọc T1 là 80.000.000 đồng. Sau khi trừ các chi phí trên, T được hưởng lợi số tiền khoảng 146.870.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Ngọc T1 và Lương Ngọc T khai nhận phù hợp như nội dung nêu trên.

Lương Ngọc T khai từ khoảng tháng 9/2023 đến ngày 22/5/2024, có nhiều người Trung Quốc đến ở các nhà do T thuê, trong đó T khai biết rõ 13 người bị Cơ quan Công an phát hiện (gồm Xu Z, Chen Zhi A1, Zhang N, Zhan Y, Lin X, Zhan Hai B, Yan S, Xu Wei M, Xu Wei B1, Chen Jin H2, Lin Z, Lin Q, Lin M) là những người là nhập cảnh Việt Nam trái phép tuy nhiên không biết những người này vào Việt Nam và đi từ khu vực biên giới đến thành phố Hải Phòng như thế nào. Trong quá trình thuê nhà, nấu ăn, phục vụ những người Trung Quốc thì T có cho vợ là Nguyễn Thị L biết X1 Zhi Fang là người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam trái phép, ngoài ra L có tham gia cùng T vào việc đi xem, tìm thuê nhà, tham gia nấu cơm, dọn nhà, phục vụ những người Trung Quốc ở các nhà số D H; 13LK4 chung cư H, 23LK4 chung cư H, nhà xóm C thôn V. Đối với những người Trung Quốc đến ở tại các nhà 13LK4 chung cư H, 23LK4 chung cư H, thời điểm ban đầu mỗi nhà chỉ có 04 người Trung Quốc đến ở, tổng cộng 02 nhà có 08 người Trung Quốc. Đối với việc ngày 22/5/2024, T1, T5 đón tổng cộng 13 người Trung Quốc tại 02 nhà trên đi nơi khác như đã nêu trên, T khai thời điểm đó bản thân đã bị Cơ quan Công an phát hiện, triệu tập làm việc nên không biết lý do, có thể do có thêm bạn bè những người Trung Quốc từ nơi khác đến chơi. Đối với các máy vi tính, điện thoại thu giữ tại nhà T thuê tại xóm C, thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, T khai các thiết bị này do Xu Zhi F và những người Trung Quốc mang đến, không biết mục đích sử dụng để làm gì.

Lương Ngọc T1 khai nhận: Khoảng tháng 9/2023, T đặt vấn đề thuê T1 đi tìm thuê nhà và nấu cơm, dọn dẹp, phục vụ người Trung Quốc, tiền công 10 triệu đồng/tháng/01 nhà. T1 đồng ý và đã tìm cho T thuê các nhà 708 và 682 khu H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; nhà mặt đường B xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nhà số 23LK4 chung cư H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng và nhà số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. T1 được T cho biết trong số những người Trung Quốc đến ở, sẽ có một số người có giấy tờ hợp pháp và một số người là nhập cảnh trái phép. Sau khi thuê được nhà số G khu H thì Xu Z, Gong Ting H và Xu Wei M là những người Trung Quốc đầu tiên đến ở, sau đó có thêm 02 người Trung Quốc đến (hiện không rõ nhân thân, lai lịch). T1 có kiểm tra giấy tờ của 05 người này, trong đó Xu Zhi F và một người Trung Quốc khác (T1 không nhớ tên) không có giấy tờ hộ chiếu, thị thực nhập cảnh vào Việt Nam; đối với Gong Ting H1, Xu Wei M và một người Trung Quốc khác có hộ chiếu tuy nhiên T1 không kiểm tra xem có thị thực tại Việt Nam hay không. Đối với căn nhà 682 khu H, sau khi T1 tìm thuê được nhà cho T thì có tổng cộng 05 người Trung Quốc đến ở. T1 không kiểm tra giấy tờ của những người này vì biết trong số những người này có nhiều người nhập cảnh Việt Nam trái phép. Thời điểm những người Trung Quốc ở căn nhà G khu H chuyển đến căn nhà nhà số 682 khu H thì T1 chỉ mua thực phẩm đến để những người Trung Quốc tự nấu. Đến khi T chuyển 04 người Trung Quốc về nhà số D H thì T1 có mua đồ ăn cho những người Trung Quốc này thêm một vài ngày. Sau khi thuê được nhà 191A Lũng Đông, T chuyển 05 người Trung Quốc đến ở, T1 là người nấu cơm, dọn nhà, phục vụ cho người Trung Quốc đến khi bị phát hiện. T1 không biết mục đích, công việc cụ thể của những người Trung Quốc mà T1 phục vụ nêu trên. Về tiền thu lợi bất chính, T1 được T trả công tổng cộng

80.000.000 đồng tiền công nấu cơm, dọn nhà, phục vụ cho người Trung Quốc, đối với các khoản tiền khác như chi phí thuê nhà, tiền mua đồ ăn, đồ dùng sinh hoạt và các chi phí khác thì T1 đều báo cho T, Lại để thanh toán mà không được hưởng lợi từ việc này.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hoài T5 khai nhận: T5 là cháu họ của Lương Ngọc T, thỉnh thoảng T5 có đến nhà của T thuê ở xóm C, thôn V, xã A (nay là thôn A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng chơi và gặp một số người Trung Quốc ở đó. Chiều ngày 22/5/2024, sau khi cùng Lương Ngọc T1 chở 08 người Trung Quốc từ khu chung cư H đến căn nhà A L như nêu trên, khoảng tối cùng ngày, Nguyễn Thị L bảo T5 chở Lại quay về căn nhà trên đồng thời gọi thêm 01 xe taxi đi cùng. Khi đến nơi, L đón 04 người Trung Quốc lên xe taxi đi cùng L còn 05 người Trung Quốc lên xe do T5 điều khiển cùng về nhà T5 ở xã Đ, huyện A (nay là phường A, quận A), thành phố Hải Phòng. Sau khi để tất cả những người Trung Quốc trên vào nhà, L bảo T5 chở L về nhà bà Trần Thị H (mẹ đẻ của T). Khi gần đến nơi, L xuống xe rồi đi đâu không rõ. Khi T5 quay lại nhà T5 thì những người Trung Quốc trên đã rời đi. T5 không biết những người Trung Quốc được T5, T1 và L chở trên là những người nhập cảnh vào Việt Nam trái phép.

Hai lái xe ô tô do Lương Ngọc T1 thuê chiều ngày 22/5/2024 chở những người Trung Quốc từ 02 căn nhà 13LK4 và 23LK4 khu chung cư H, xã A, huyện A (nay là phường A, quận A), thành phố Hải Phòng đến nhà bà Trần Thị H là anh Vũ Văn M2 và anh Đinh Công C1 khai nhận phù hợp: Chiều ngày 22/5/2024, Lương Ngọc T1 gọi điện cho anh M2 thuê 02 xe ô tô đến khu chung cư H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng để chở những người Trung Quốc, anh M2 đã gọi thêm xe của anh C1 đi cùng đến địa điểm trên. Xe của anh C1 sau khi đón được 07 người Trung Quốc thì xảy ra va chạm với xe ô tô khác, những người Trung Quốc này đã lên các xe ô tô khác để đi tiếp còn xe ô tô của anh M2 chở 05 người Trung Quốc về nhà mẹ đẻ của Lương Ngọc T1 là bà Trần Thị H như nội dung đã nêu trên. Anh M2 và anh C1 khai nhận đều không biết những người Trung Quốc trên là những người nhập cảnh vào Việt Nam trái phép.

Bà Trần Thị H và ông Lương Văn H6 khai nhận phù hợp: Chiều ngày 22/5/2024 bà H được Nguyễn Thị L (con dâu của bà) liên hệ nhờ cho 05 người Trung Quốc đến ở, bà đồng ý. Khi xe ô tô chở những người Trung Quốc đến nhà bà, do cháu của bà H đang ốm nằm ở nhà nên bà đã cho những người Trung Quốc trên đến ở nhờ nhà ông Lương Văn H6, ông H6 đã bố trí cho những người Trung Quốc trên ở 01 phòng trong nhà ông, đến khoảng đêm cùng ngày, ông kiểm tra phòng thì thấy những người Trung Quốc trên đã rời đi. Bà H và ông H6 đều không biết những người Trung Quốc trên là những người nhập cảnh vào Việt Nam trái phép.

Tiến hành ghi lời khai của các chủ nhà mà Lương Ngọc T đã thuê để những người Trung Quốc đến ở gồm: Ông Bùi Huy P, sinh năm 1969, trú tại Tổ C C, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng là chủ nhà 708 và nhà F khu H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; chị Đoàn Thị Kim B2, sinh năm 1980, trú tại: Số C, lô A khu L, phường H (nay là phường T), thành phố Hải Phòng, thành phố Hải

Phòng là chủ nhà số D H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; anh Trần Xuân Q, sinh năm 1984, trú tại: Thôn K, xã H (nay là phường H), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng là chủ nhà số 23LK4 khu H, xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng; anh Phạm Xuân H7, sinh năm 1980, trú tại: Số A P, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng là chủ nhà mặt đường B, xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng; anh Hồ Văn M3, sinh năm 1986, trú tại: Tổ A, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng là chủ nhà số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng và người quản lý, cho thuê nhà 13LK4 khu H, xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng là anh Tiêu Quang H8, sinh năm 1978, trú tại: số E L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng - em trai của chủ nhà Tiêu Thị Thanh H9, sinh năm 1978, trú tại 13LK4 khu H, xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng (anh H8 thay mặt chị H9 quản lý, tìm người thuê nhà do chị H9 bị câm điếc), kết quả: Ông P, chị B2, anh Q, anh H7, chị D1, anh H8 khai nhận khi T1, T thuê nhà thì không nói là sẽ cho những người Trung Quốc đến ở, ông P, chị B2, anh Q, anh H7, chị D1, anh H8 đều không biết những người Trung Quốc đến ở nhà của các anh chị là những người nhập cảnh vào Việt Nam trái phép.

Đối với căn nhà tại xóm C, thôn V, xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng chủ nhà là vợ chồng anh Nguyễn Trung T6, sinh năm 1982, trú tại B Đà Nẵng, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng và chị Nguyễn Thị Thu H10, sinh năm 1983, trú tại: 3 C, phường H (nay là phường T), quận H, thành phố Hải Phòng, tài liệu điều tra xác định anh T6, chị H10 đã đi sang nước ngoài thăm thân, hiện chưa về địa phương.

Tiến hành ghi lời khai của những người giúp việc đã nấu ăn, dọn dẹp cho những người Trung Quốc là chị Lý Thị L2 và Nguyễn Văn T3, kết quả chị L2 khai nhận được vợ chồng T, L thuê làm công việc mua đồ ăn, nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa cho những người Trung Quốc tại các nhà do vợ chồng T, L thuê. Chị L2 không biết những người Trung Quốc nêu trên những người nhập cảnh vào Việt Nam trái phép. Đối với Nguyễn Văn T3, xác minh tại địa phương, Thường vắng mặt tại nơi cư trú.

Tiến hành triệu tập ghi lời khai đối với những người được T, Lại nhờ đứng tên hợp đồng thuê nhà gồm: Chị Dương Thị T4 được Lương Ngọc T1 nhờ đứng tên ký hợp đồng thuê nhà mặt đường B xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng; Nguyễn Văn M1 được Lại nhờ đứng tên ký hợp đồng thuê nhà số A chung cư H, xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng; Trần Văn H3 được Lại nhờ đứng tên ký hợp đồng thuê nhà số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Kết quả, anh M1, chị T4 khai được T1, L nhờ chụp, gửi hình căn cước công dân để làm hợp đồng thuê nhà, sau đó được T1, Lại gửi hợp đồng thuê nhà nhờ ký xác nhận, các anh chị không biết T1, L nhờ các anh đứng tên thuê nhà nhằm mục đích gì và không biết để cho những người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam trái phép ở lại. Đối với Trần Văn H3, xác minh tại địa phương, H3 vắng mặt tại nơi cư trú.

Tại Cơ quan điều tra, 13 đối tượng người Trung Quốc nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép khai nhận: Các đối tượng sau khi tìm kiếm việc làm thông qua mạng

internet thì được một đối tượng tên Ji Bao P1 (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) bảo sang Việt Nam để làm công việc liên quan đến tương tác, tăng lượt xem, tăng lượt bình luận, lượt like cho mạng xã hội Tiktok. Sau khi được đối tượng J Bao Pen hướng dẫn, các đối tượng đã bắt xe ra khu vực Phòng Thành Cảng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc và được đưa lên các phương tiện như xe ô tô, xe mô tô, tàu thuyền... trung chuyển nhiều lần qua nhiều phương tiện để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam, các đối tượng được xe ô tô đón về nhà ở thôn V, xã A (nay là phường A), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng (nhà do Lương Ngọc T thuê). Các đối tượng khai nhận X2 không phải là người đứng ra đưa những người này sang Việt Nam hoặc bố trí chỗ ăn, nghỉ cho những người này tại Việt Nam. Các đối tượng người Trung Quốc trên đã bị trục xuất về nước.

Đối với Nguyễn Thị L, xác minh tại địa phương, Lại vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ đi đâu, làm gì. Hiện Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai của L. Cơ quan điều tra ra quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến Nguyễn Thị L để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn T3 có hành vi nấu cơm, dọn nhà cho người Trung Quốc tại các nhà số D H; nhà 208 xã A; nhà X thôn V; nhà 23LK4 chung cư H và Trần Văn H3 là người đứng tên ký hợp đồng thuê nhà 191A Lũng Đông hiện vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa tiến hành ghi được lời khai. Cơ quan điều tra ra quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến T3 và H3 để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với Lý Thị L2, Nguyễn Hoài T5, Nguyễn Văn M1, Trần Thị H, Lương Văn H6, Dương Thị T4, anh Vũ Văn M2, anh Đinh Công C1, các chủ cho thuê nhà: Tài liệu điều tra xác định những người này không biết những người Trung Quốc trên nhập cảnh, ở lại Việt Nam trái phép nên Cơ quan điều tra không lập hồ sơ xử lý là có căn cứ.

Đối với người đàn ông tên H6 theo lời khai của Lương Ngọc Thế là người đã đặt vấn đề thuê T tìm chỗ ở, mua đồ ăn, phục vụ những người Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép, do T không khai báo được nhân thân lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ.

Vật chứng vụ án gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Peugeot 3008 màu trắng BKS 14A-753.56 đăng ký mang tên Nguyễn Thị L mua từ đầu tháng 02/2023, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone kèm theo 01 sim mặt sau có số 8984048000330303262, số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính do bị can Lương Ngọc T1 tự nguyện nộp lại - chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Đối với các vật chứng là máy vi tính, điện thoại thu giữ của những người Trung Quốc, Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Công an huyện A (nay là quận A) và Phòng Q1 - Công an thành phố H bảo quản, xử lý.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS-P1 ngày 20/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Lương Ngọc T về tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật

Hình sự, bị cáo Lương Ngọc T1 về tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Ngọc T với mức án từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Ngọc T1 với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép và ấn định thời gian thử thách.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về số tiền thu lợi bất chính: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 sim có số 8984048000330303262. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe ô tô nhãn hiệu Peugeot 3008 màu trắng BKS 14A-753.56, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính do bị cáo T1 tự nguyện nộp lại.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T không liên quan đến 04 đối tượng quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép tại nhà số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, vì 04 đối tượng trên không biết T; bị cáo T được Chủ tịch UBND huyện A, thành phố Hải Phòng tặng Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn huyện A, bố đẻ bị cáo là thương binh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình bị cáo T chiếc xe ô tô nhãn hiệu Peugeot BKS 14A-753.56.

- Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố. Các bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Từ khoảng tháng 9/2023 đến ngày 22/5/2204, Lương Ngọc T đã có hành vi cung cấp chỗ ở, đồ ăn, phục vụ sinh hoạt, tổ chức cho nhiều người Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép, trong đó xác định được 13 đối tượng còn lại gồm Xu Z, Chen Zhi A1, Zhang N, Zhan Y, Lin X, Zhan Hai B, Yan S, Xu Wei M, Xu Wei B1, Chen Jin H2, Lin Z, Lin Q, Lin M, qua đó thu lời bất chính số tiền 146.870.000 đồng. Từ khoảng tháng 9/2023 đến ngày 22/5/2204, Lương Ngọc T1 đã có hành vi giúp sức cho Lương Ngọc T cung cấp nơi ở, đồ ăn, phục vụ sinh hoạt, tổ chức cho nhiều người Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép, trong đó xác định được 02 đối tượng là Xu Zhi F và Xu Wei M, qua đó thu lời bất chính số tiền 80.000.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc tổ chức cho người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T tổ chức cho 13 người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự; bị cáo T1 tổ chức cho 02 người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T không liên quan đến 04 đối tượng quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép tại nhà số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, vì 04 đối tượng trên không biết T. Tuy nhiên bị cáo T, bị cáo T1 đều thống nhất khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là nhà số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng do T nhờ T1 tìm thuê, người đứng tên ký hợp đồng thuê nhà là Trần Văn H3 (em họ của Nguyễn Thị L). T thuê T1 nấu cơm, dọn nhà, phục vụ cho những người Trung Quốc trên. Hành vi của T liên quan đến 04 đối tượng quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép tại nhà số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Do đó, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự, quản lý hành chính trong xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài ở Việt Nam, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, tạo sự bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T1 không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T nhiều lần tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T, bị cáo T1 có bố đẻ là thương binh, bị cáo T1 tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính, bị cáo T được Chủ tịch UBND huyện A, thành phố Hải Phòng tặng Giấy khen nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Thế là người trực tiếp liên hệ, trao đổi với đối tượng tên H6 người Trung Quốc, bố trí chỗ ở, người nấu cơm, dọn nhà phục vụ cho nhiều người Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép, thu lợi bất chính số tiền 146.870.000 đồng nên có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo T1 làm thuê, giúp sức cho bị cáo T tìm thuê nhà, mua đồ ăn, phục vụ những người Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép, thu lợi bất chính số tiền 80.000.000 đồng nên có vai trò thấp hơn bị cáo T.

[8] Về hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo T cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên cũng cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo T, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có thể xem xét áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo T. Đối với bị cáo T1 là anh ruột của bị cáo T, làm thuê, giúp sức cho bị cáo T, phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, khoan hồng cho bị cáo T1, cho bị cáo T1 cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về số tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo T phải nộp lại 146.870.000 đồng; bị cáo T1 phải nộp lại 80.000.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện nộp 10.000.000 đồng, bị cáo T1 phải tiếp tục nộp lại 70.000.000 đồng; để sung quỹ Nhà nước.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 sim có số 8984048000330303262 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 xe ô tô nhãn hiệu Peugeot 3008 màu trắng BKS 14A-753.56 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính bị cáo T1 tự nguyện giao nộp nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với các vật chứng là máy vi tính, điện thoại thu giữ của những người Trung Quốc, Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Công an huyện A (nay là quận A) và Phòng Q1 - Công an thành phố H bảo quản, xử lý theo thẩm quyền.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Lương Ngọc T phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

Xử phạt bị cáo Lương Ngọc T 07 (B3) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/5/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Lương Ngọc T1 phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

Xử phạt bị cáo Lương Ngọc T1 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Ngọc T1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Lương Ngọc T1 thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

“Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú

mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lương Ngọc T1.

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe ô tô nhãn hiệu Peugeot 3008 màu trắng BKS 14A-753.56, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo T1.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim có số 8984048000330303262.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/01/2025 giữa Công an thành phố H và Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và Ủy nhiệm chỉ lập ngày 23/01/2025 tại Kho bạc Nhà nước H1)

Buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 146.870.000 (*Một trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn*) đồng, bị cáo T1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 70.000.000 (*Bảy mươi triệu*) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lương Ngọc T, Lương Ngọc T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải Trần Nguyên Lâm

Bùi Duy Khoa